

CATALOG SẢN PHẨM

Đèn phẫu thuật đội đầu • Kính lúp • Camera



HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

www.dr-kim.net www.dr-kim.co.kr

Phiên bản 09/2026 | Bản dịch tiếng Việt

Kính lúp công thái học kết hợp đèn đội đầu

Đèn đội đầu DKH-60/60S

- Khối lượng: 155 g (kèm pin).
- Độ rọi: khoảng 70.000 lux.
- Cảm biến chuyển động: DKH-60S.



Kính lúp công thái học (Ergonomic Loupes)

Model	Độ phóng đại	Khối lượng
DKT-3A	2,5×	28 g
DKT-4A	4×	32 g
DKT-6A	6×	33 g

Kính lúp trực tiếp - tùy chọn (Direct Loupes)

Model	Độ phóng đại	Khối lượng
DKT-2	2×	15 g
DKL-6	1,5×	8 g



2,5× qua DKT-3A
4× qua DKT-4A
6× qua DKT-6A



2× qua DKT-2
1,5× qua DKL-6

Đèn phẫu thuật đội đầu không bóng

DKH-50/50S



Độ rọi	Khoảng 70.000 lux tại 30 cm
Hoạt động liên tục	2,3-12 giờ
Khối lượng	154 g (kèm pin)
Cảm biến chuyển động	DKH-50S

DKH-40



Độ rọi	40.000 lux
Hoạt động liên tục	2,5 giờ
Khối lượng	126 g (kèm pin)

DKH-30



Độ rọi	25.000 lux
Hoạt động liên tục	5 giờ
Khối lượng	122 g (kèm pin)

Phụ kiện đi kèm nhóm đèn đội đầu

- 2 pin.
- 1 bộ sạc.
- 3 cặp kính lọc: trong suốt, vàng, nâu (cho vật liệu nhựa resin).

Kính lúp hiệu chỉnh lão thị và độ phóng đại cao



DKL-5

- Độ phóng đại: khoảng 1,5×.
- Dùng trong tai mũi họng (ENT), nha khoa hoặc phẫu thuật tạo hình.
- Thấu kính phi cầu.
- Khối lượng: 16 g.

Lắp DKL-5: cài phần chốt gắn của kính vào lỗ phía dưới của đèn đội đầu Dr. Kim.

Kính lúp độ phóng đại cao (High Power Loupe)

Model	DKT-3	DKT-4	DKT-6
Độ phóng đại	2,0×	4,0×	6,0×
Hệ quang học	Kiểu Galile	Kiểu Kepler	Kiểu Kepler
Khoảng cách làm việc	25-50 cm; điều chỉnh được	50 cm; điều chỉnh được	40 cm; điều chỉnh được
Khoảng cách liên đồng tử (PD)	56-72 mm; điều chỉnh được	56-72 mm; điều chỉnh được	56-72 mm; điều chỉnh được
Khối lượng	25 g	25 g	37 g



DKT-3



DKT-4



DKT-6



DKL-5: vị trí gắn phía dưới



DKT-3/4: vị trí gắn phía trên

Lắp DKT-3/4: cài phần chốt gắn của kính vào lỗ phía trên của đèn đội đầu Dr. Kim.

PD (Pupillary Distance) là khoảng cách liên đồng tử. Khoảng cách làm việc là khoảng cách từ hệ kính đến vùng quan sát.

Camera ghi hình D-CAM

D-CAM6E / D-CAM6



1. Camera

- Độ phân giải 4K; lấy nét tự động.
- Ổn định hình ảnh quang học (OIS).
- Chức năng lấy nét sâu hơn (deeper focus): 25 mm.
- Góc nhìn: 20° (D-CAM6E), 35° (D-CAM6).
- Zoom kỹ thuật số 2×.
- Kính ngắm 0,39 inch (FHD).
- Khối lượng camera: 51 g.

2. Cáp kết nối

Từ camera đến bộ truyền tín hiệu; chiều dài 1,5 m; khối lượng 53 g.

3. Bộ truyền tín hiệu

Pin sạc 10.000 mAh; thời gian hoạt động trên 6 giờ; truyền hình ảnh không dây đến màn hình (HDMI); khối lượng 157 g.

4. Công tắc đạp chân

Điều khiển ghi hình / chụp ảnh tĩnh / zoom kỹ thuật số 2×.

D-CAM4SV và D-CAM4S

Thông số	D-CAM4SV	D-CAM4S
Truyền tín hiệu	HDMI không dây	HDMI không dây
Độ phân giải	2K / FHD	2K / FHD
Lấy nét	Thủ công	Thủ công
Ổn định hình ảnh	Điện tử (EIS)	Điện tử (EIS)
Góc nhìn	30°	30°
Kính ngắm	1,5 inch	Không ghi trong catalog
Điều khiển	Điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa



D-CAM4SV



D-CAM4S

Danh mục sản phẩm

Bảng tổng hợp các model và cấu hình trong catalog 09/2026.

Nhóm / Model	Thông số
Đèn đội đầu (Mới) DKH-60/60S + DKT-3A, DKT-4A hoặc DKT-6A	DKT-3A: 2,5× DKT-4A: 4× DKT-6A: 6×
Đèn đội đầu DKH-60/60S + DKT-2 hoặc DKL-6	DKT-2: 2× DKL-6: 1,5×
Đèn đội đầu DKH-50/50S	Độ rọi: khoảng 70.000 lux. DKH-50S: cảm biến chuyển động.
Đèn đội đầu DKH-40	Độ rọi: 40.000 lux.
Đèn đội đầu DKH-30	Độ rọi: 25.000 lux.
Kính lúp DKL-5	Kính lúp hiệu chỉnh lão thị. Độ phóng đại: khoảng 1,5×.
Kính lúp DKT-3	Hệ quang học kiểu Galile; 2,0×. PD và khoảng cách làm việc (WD) điều chỉnh được.
Kính lúp DKT-4	Hệ quang học kiểu Kepler; 4,0×. PD và khoảng cách làm việc (WD) điều chỉnh được.
Kính lúp DKT-6	Hệ quang học kiểu Kepler; 6,0×. PD và khoảng cách làm việc (WD) điều chỉnh được.
Camera D-CAM6 / D-CAM6E	4K; lấy nét tự động; OIS. Góc nhìn: 20° hoặc 35°; kính ngấm; bàn đạp chân.
Camera D-CAM4SV	2K / FHD; lấy nét thủ công; EIS. Góc nhìn: 30°; kính ngấm; điều khiển từ xa.
Camera D-CAM4S	2K / FHD; lấy nét thủ công; EIS. Góc nhìn: 30°; điều khiển từ xa.

Ghi chú nhóm đèn đội đầu: gồm 2 pin, 1 bộ sạc và 3 cặp kính lọc: trong suốt, vàng, nâu (cho vật liệu nhựa resin).
Cột giá cho người sử dụng cuối (USD): bản gốc để trống, không công bố giá.
NEW: Mới. OIS: Ổn định hình ảnh quang học. EIS: Ổn định hình ảnh điện tử. FHD: Full HD. PD: khoảng cách liên động tử. WD: khoảng cách làm việc.
Bản dịch giữ nguyên mã model, số liệu và điều kiện đo trong Catalog-2026.09.